

## HƯỚNG DẪN VỀ QUY TRÌNH LÀM BÀI THI MÔN TIN HỌC

(Kèm theo Công văn số 1507/BGDĐT-HĐTTH ngày 24/9/2018)

### I. Quy định chung

1. Môn thi Tin học thi theo hình thức trắc nghiệm trên máy tính. Thời gian làm bài thi 45 phút, thí sinh chỉ được ra ngoài khi tất cả phòng thi đều hoàn thành việc nộp bài của mình.

2. Nội dung thi: Kiểm tra kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

### II. Quy trình về mặt công nghệ các bước cơ bản cho mỗi buổi/ca thi bao gồm:

TT	Thời điểm	Công việc	Thực hiện	Ghi chú
1	Trước buổi thi 1 ngày	Thiết lập phòng máy, cài đặt phần mềm, kiểm tra kết nối và máy tính	Cán bộ kỹ thuật	
2	Trước ca thi $\geq 15$ phút	Thiết lập ca thi: tạo ca thi trên hệ thống, nhập danh sách thí sinh, kiểm tra danh sách thí sinh	Cán bộ thư ký và kỹ thuật	Danh sách theo mẫu quy định
3	Sau khi gọi thí sinh vào phòng thi	Xác nhận số báo danh của thí sinh từ máy trạm lên máy chủ. Kiểm tra trên máy chủ đảm bảo tất cả các thí sinh đã kết nối thành công và xác nhận đúng số báo danh	Thí sinh & Cán bộ coi thi, cán bộ kỹ thuật	Thí sinh nhập số báo danh và xác nhận tại máy tính của mình. Cán bộ coi thi kiểm tra & yêu cầu hỗ trợ kỹ thuật nếu chưa đảm bảo kết nối
4	Sau khi bóc đề thi	Nạp đề thi gốc chứa trong USB vào phần mềm máy chủ	Cán bộ coi thi	Dữ liệu đề thi được lưu trữ trong USB, được niêm phong và mật khẩu giải mã đề thi được lưu trữ trong phong bì riêng
5	Sau khi nạp đề thi thành công	Thực hiện chức năng sinh mã đề thi và phân phối về các máy trạm cho thí sinh	Cán bộ coi thi	Máy tính sẽ tự động sinh mã và gán ngẫu nhiên cho mỗi thí sinh một mã đề thi khác nhau
6	Khi phân phối đề thi	Kiểm tra trên máy chủ các số báo danh khác nhau có mã đề thi khác nhau	Cán bộ coi thi	



7	Thiết lập lại thời gian bắt đầu làm bài	Thiết lập thời gian bắt đầu cho phép thực hiện bài thi và tính giờ làm bài của thí sinh (nếu cần thiết)	Cán bộ kỹ thuật	Nếu thời gian chuẩn bị dài hơn thời gian dự kiến, cần thực hiện việc điều chỉnh lại giờ bắt đầu làm bài của thí sinh
8	Bắt đầu làm bài	Bấm nút ở máy trạm để bắt đầu thực hiện làm bài	Thí sinh	Lựa chọn bắt đầu làm bài và xác nhận để thực hiện bài thi
9	Trong thời gian làm bài	Theo dõi và xử lý sự cố	Cán bộ kỹ thuật	Trong trường hợp thí sinh cần đổi máy tính, phần bài làm của thí sinh vẫn được giữ tại thời điểm sự cố xảy ra
10	Trước khi hết giờ làm bài	Kiểm tra lại bài làm và có thể thực hiện chức năng nộp bài trước khi hết giờ	Thí sinh	Sau khi nộp bài, khoá chế độ làm bài và hiển thị kết quả của thí sinh
11	Khi hết giờ làm bài	Khoá chế độ làm bài của thí sinh và nộp bài	Tự động	
12	Sau khi thí sinh nộp bài từ máy trạm	In danh sách xác nhận dự thi và danh sách xác nhận bài làm của từng thí sinh để ký xác nhận	Cán bộ coi thi	Có 2 danh sách và thí sinh cần phải ký xác nhận vào cả 2 danh sách
13	Sau khi thí sinh ký xác nhận vào danh sách	Thực hiện chức năng trên máy chủ để lưu trữ vào USB chứa đề thi toàn bộ thông tin của buổi thi dưới dạng bản mềm có mã hoá;	Cán bộ coi thi	Thực hiện chức năng sao lưu ca thi trên hệ thống phần mềm
14	Sau khi đã hoàn thành việc sao lưu	Niêm phong USB và danh sách ký xác nhận kết quả thi vào túi đựng bài thi.	Cán bộ coi thi	Các cán bộ coi thi, cán bộ kỹ thuật cùng giám sát quá trình và ký xác nhận trên túi niêm phong tại phòng thi
15	Sau khi hoàn thành ca thi	Kiểm tra lại tình trạng kết nối và máy tính chuẩn bị cho ca thi tiếp theo	Cán bộ kỹ thuật	

**ĐỊNH DẠNG VÀ CẤU TRÚC ĐỀ THI MÔN NGOẠI NGỮ**  
(Kèm theo Công văn số 1507/BGDĐT-HĐTTH ngày 24/9/2018)

**I. Thông tin chung**

Bài thi ngoại ngữ theo hình thức trắc nghiệm, kiểm tra các kỹ năng đọc hiểu và viết ở trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo Quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Thí sinh làm bài trên giấy (Phiếu làm bài thi).

Thời gian làm bài: 45 phút

Tổng điểm bài thi: 100 điểm. Điểm đạt: 55 điểm

**II. Cấu trúc đề thi**

Đề thi ngoại ngữ gồm hai (02 phần): đọc hiểu và viết

**Phần 1: Đọc hiểu và từ vựng (50 điểm)**

**Câu 1-10 (20 điểm):** *Hãy chọn từ hoặc cụm từ thích hợp nhất (ứng với A, B, C hoặc D) để hoàn thành các câu sau. Viết câu trả lời vào trong Phiếu trả lời trắc nghiệm.*

**Câu 11-20 (20 điểm):** *Hãy chọn từ thích hợp (ứng với A, B, C hoặc D) để điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau. Viết câu trả lời vào trong Phiếu trả lời trắc nghiệm.*

**Câu 21-25 (10 điểm):** *Hãy đọc đoạn văn sau và chọn câu trả lời thích hợp nhất (ứng với A, B, C hoặc D) để trả lời các câu hỏi hoặc hoàn thành các câu sau. Viết câu trả lời vào trong Phiếu trả lời trắc nghiệm.*

**Phần 2: Viết (50 điểm)**

**Câu 26-30 (10 điểm):** *Hãy sắp xếp các câu sau đây thành một bài hội thoại/đoạn văn hoàn chỉnh. Viết câu trả lời vào trong Phiếu trả lời trắc nghiệm.*

**Câu 31-40 (20 điểm):** *Hãy xác định từ hoặc cụm từ có gạch dưới (ứng với A, B, C hoặc D) cần phải sửa để câu trở thành chính xác. Viết câu trả lời vào trong Phiếu trả lời trắc nghiệm.*

**Câu 41-50 (20 điểm):** *Hãy chọn nhóm từ / mệnh đề thích hợp nhất (ứng với A, B, C hoặc D) để hoàn thành các câu sau. Viết câu trả lời vào trong Phiếu trả lời trắc nghiệm.*



**ĐỀ THI MINH HỌA (TIẾNG ANH)**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
ĐỀ THI NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ - BẬC: 3/6  
DÙNG CHO KỲ THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP  
GIÁO VIÊN HẠNG II LÊN HẠNG I NĂM 2018  
NGÔN NGỮ: ANH - KỸ NĂNG: ĐỌC + VIẾT**

**Đề thi gồm: 04 trang**

**Thời gian làm bài: 45 phút**

**Phần 1: Đọc hiểu và từ vựng (50 điểm)**

**Câu 1-10 (20 điểm):** *Hãy chọn từ hoặc cụm từ thích hợp nhất (ứng với A, B, C hoặc D) để hoàn thành các câu sau. Viết câu trả lời vào trong Phiếu trả lời trắc nghiệm.*

1. The museum is open \_\_\_\_\_ all members of the public.  
A. to                      B. for                      C. with                      D. wide
2. Tickets to the concert are available free of \_\_\_\_\_ at the reception.  
A. change                B. charge                C. pay                      D. fee
3. If a book is not returned on its \_\_\_\_\_ date, you will have to pay some fine.  
A. end                      B. lending                C. borrowing              D. due
4. Chicken are \_\_\_\_\_ of the chief carriers of H5N1.  
A. some                      B. any                      C. one                      D. most
5. She has a seat near the \_\_\_\_\_ of the classroom so she can't see the board clearly.  
A. back                      B. front                      C. right                      D. left
6. Waiter, may I have the \_\_\_\_\_, please. We've finished for ages.  
A. menu                      B. bill                      C. money                      D. cash
7. You need to \_\_\_\_\_ these instructions when using the machine.  
A. do                      B. make                      C. follow                      D. learn
8. Flight hostesses are the first to \_\_\_\_\_ the passengers as they come on board.  
A. say                      B. greet                      C. great                      D. speak
9. Apart \_\_\_\_\_ that, your main duty is to receive phone calls and welcome visitors.  
A. for                      B. from                      C. of                      D. besides
10. Please check your tickets and change before \_\_\_\_\_ the counter.  
A. coming                      B. talking                      C. taking                      D. leaving

**Câu 11-20 (20 điểm):** *Hãy chọn từ thích hợp (ứng với A, B, C hoặc D) để điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau. Viết câu trả lời vào trong Phiếu trả lời trắc nghiệm.*

Earlier this morning when some classmates and I were playing basketball in the park near our school, it suddenly began to rain (11) \_\_\_\_\_. We immediately grabbed our basketball and ran for protection. At first we stood together under a tree (12) \_\_\_\_\_ then it began to thunder. Peter told us that it was (13) \_\_\_\_\_ to stay under a tree in a rainstorm, (14) \_\_\_\_\_ when there is lightning, so we ran to a nearby store to wait for the rain stopped.

From (15) \_\_\_\_\_ we were standing, we could see that the park was empty. Before the rain had started, there had been people everywhere but now (16) \_\_\_\_\_ was playing basketball or football or doing exercise or sitting on the park benches reading the morning papers or chatting (17) \_\_\_\_\_ their friends. We stood in the doorway of the store for nearly twenty minutes (18) \_\_\_\_\_ the rain finally stopped and the sun came (19) \_\_\_\_\_ again from behind the clouds. Within a few minutes the park was (20) \_\_\_\_\_ of people again but now the air was cooler.

11. A    greatly                B    heavily                C    severely                D    very big  
12. A    and                      B    so                      C    but                      D    yet

- |       |            |   |           |   |           |    |           |
|-------|------------|---|-----------|---|-----------|----|-----------|
| 13. A | danger     | B | in danger | C | a danger  | D  | dangerous |
| 14. A | especially | B | specially | C | mostly    | D  | chiefly   |
| 15. A | here       | B | where     | C | there     | D  | place     |
| 16. A | nobody     | B | none      | C | no people | D  | somebody  |
| 17. A | for        | B | over      | C | with      | D. | together  |
| 18. A | while      | B | before    | C | then      | D  | as        |
| 19. A | back       | B | up        | C | out       | D  | down      |
| 20. A | filled     | B | plenty    | C | crowded   | D  | full      |

**Câu 21-25 (10 điểm):** Hãy đọc đoạn văn sau và chọn câu trả lời thích hợp nhất (ứng với A, B, C hoặc D) để trả lời các câu hỏi hoặc hoàn thành các câu sau. Viết câu trả lời vào trong Phiếu trả lời trắc nghiệm

Ali Khan is an artist. He lives in Bombay, India. He has painted all the world's movie stars, but he has never met any of them. Not many people in India know his name, but everyone has seen his work. He is the man who paints the huge advertising pictures outside India's cinemas. Ali Khan is not upset that he is not famous. He is very happy because he knows that millions of people see his work.

Ali Khan began painting when he was 16. He won a drawing competition soon afterwards. His prize was \$300, which was a lot of money in those days. Now, after 20 years, at the age of 36, he is at the top of his profession. Ali Khan's job keeps him very busy. On average, 50 films are made in Bombay each year, and they all need to be advertised. Ali Khan's work is very special. He is one of the few artists to carry out this traditional activity in India.

In the West this traditional form of cinema advertising has almost disappeared. Nowadays, cinemas advertise films on small printed posters. Because there are so many signs and advertisements in Bombay, people will not usually notice small advertisements. This is why many cinemas in Bombay asked Ali Khan to paint their posters. Ali Khan's pictures can be seen from the streets, from trams and from buses. Everyone can see his pictures because they are so big.

21. Ali Khan is ...
  - A. a movie star
  - B. very famous
  - C. a painter
  - D. an actor
22. Everyday, millions of people .....
  - A. see his work
  - B. paint his pictures
  - C. buy his pictures
  - D. sell his work.
23. Ali Khan has been working for .... years
  - A. 14
  - B. 16
  - C. 36
  - D. 20
24. In other parts of the world, cinema advertisements are ....
  - A. small, printed posters
  - B. large painted pictures
  - C. large printed posters
  - D. small, painted pictures.



25. Cinema advertisements need to be big in Bombay because ....

- A. the city is very busy
- B. people won't notice if they are small
- C. there are so many people
- D. there isn't enough space for small posters.

**Phần 4: Viết (50 điểm)**

**Câu 26-30 (10 điểm):** Hãy sắp xếp các câu sau đây thành một bài hội thoại/đoạn văn hoàn chỉnh. Viết câu trả lời vào trong Phiếu trả lời trắc nghiệm.

26	A. We have many nice shirts.
27	B. I like this one.
28	C. May I help you?
29	D. What size does your son wear?
30	E. I have been looking for a nice shirt for my son.

**Câu 31-40 (20 điểm):** Hãy xác định từ hoặc cụm từ có gạch dưới (ứng với A, B, C hoặc D) cần phải sửa để câu trở thành chính xác. Viết câu trả lời vào trong Phiếu trả lời trắc nghiệm

31. The final delivery of the day is the importantest

- A B C D

32. The books that I read was very interesting.

- A B C D

33. Fire extinguishers can contain liquefier gas, dry chemicals, or watery.

- A B C D

34. I was about getting into the bath when I heard a strange noise.

- A B C D

35. I am very interesting in problems caused by pollution.

- A B C D

36. In many countries, it is very common that women to go out to work.

- A B C D

37. On the day of the test, I drove more worse than a beginner.

- A B C D

38. When I got home, I read again the instruction carefully.

- A B C D

39. We get a lot of homework and it is often difficult to finish them.

- A B C D

40. Neither the principal nor his assistants is in favour of the proposal.

- A B C D

**Câu 41-50 (20 điểm):** Hãy chọn nhóm từ / mệnh đề thích hợp nhất (ứng với A, B, C hoặc D) để hoàn thành các câu sau. Viết câu trả lời vào trong Phiếu trả lời trắc nghiệm.

41. ...., we stayed at home.

- A. Because the bad weather
- B. Because of the bad weather
- C. Because of the weather was bad
- D. So was bad weather

42. I want to have their beds ready .....

- A. before they arrive.
- B. when they will arrive.
- C. before they will arrive..
- D. after they arrived.

43. ...., a teacher has to have a lot of patience.

- A. Besides to like children.

- B. Beside liking the children
  - C. Besides liking the children
  - D. Beside to like the children.
44. I think you .....
- A. would better do it again.
  - B. should better do it again.
  - C. had better do it again.
  - D. would do it again.
45. It was such a boring film ....
- A. so I fell asleep.
  - B. that I felt asleep.
  - C. so I fell asleep.
  - D. that I fell asleep
46. ...., I am now in London.
- A. As my postcard says .
  - B. If you know from my postcard.
  - C. You know from my postcard.
  - D. As you know from my postcard
47. .... I will have to repeat the course.
- A. In case I fail the exams.
  - B. Unless I fail the exams.
  - C. If I fail the exams.
  - D. Provided the exam fails me.
48. I work for a company .....
- A. which makes personal computers.
  - B. making personal computers
  - C. that makes personal computers.
  - D. to make personal computers.
49. What they do with the statistics .....
- A. is not concerning me.
  - B. does not concern me.
  - C. did not concern me.
  - D. concerns me not.
50. No sooner ..... than it started to rain.
- A. had I gone out.
  - B. did I go out
  - C. out was I
  - D. I had gone out.